

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31 /2018/HS-ST**

Ngày: 28-8-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Nam.

2. Ông Dương Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị C (tên gọi khác: Thủy), sinh ngày 24/4/1964 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi ĐKKHKT: Số 140 TLT, phường AH, thành phố H. Nơi cư trú: CV, tổ dân phố BT, phường HA, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Lê Văn H; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Th, sinh ngày 20/8/1964 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn ĐY, xã TN, huyện NT, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh nhà nghỉ; trình độ văn hóa: 2/10 (hệ 10 năm); dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú C (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; có chồng là Trần Kh; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1994. Tiền sự: Không; tiền án: có 01 tiền án, cụ thể:

- Ngày 14 tháng 7 năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999. Áp dụng khoản 5, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, phạt bổ sung 7.000.000 đồng (Bản án số 20/2015/HSST). Hình phạt chính, bị cáo chưa chấp hành xong; hình phạt bổ sung và

án phí sơ thẩm, bị cáo đã thi hành xong vào ngày 26 tháng 11 năm 2015 theo biên lai thu tiền số 0020451 và số 0000069 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Quá trình nhân thân: Năm 1993 Nguyễn Thị Th có hành vi mua bán trái phép chất nổ bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định khởi tố bị cáo theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Hình sự năm 1985. Sau đó xét thấy hành vi phạm tội của Th không cần phải xử lý hình sự nên ra Quyết định đình chỉ điều tra bị cáo số 05 ngày 10 tháng 5 năm 1993 để xử lý bằng biện pháp hành chính “Kiểm điểm, giáo dục tại địa phương”.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:*

Ông Lê Văn H, sinh năm 1958. Nơi ĐKKHKT: Số 140 TLT, phường AH, thành phố H. Chỗ ở: Cồn Vang, tổ dân phố BT, phường HA, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Kh, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn ĐY, xã TN, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Anh Trần Ng, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn ĐY, xã TN, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Anh Lê Văn C, sinh năm 1981. Địa chỉ: tổ dân phố BP, phường HA, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình quản lý nhà nghỉ “TT” tại thôn ĐY, xã TN, huyện NT, tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Thị Th quen một đối tượng tên M ở tỉnh Quảng Nam thường hay đến nghỉ trọ tại nhà nghỉ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Quá trình nói chuyện đối tượng này đặt vấn đề nhờ Th mua thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm về bán lại cho M để kiếm lời, đồng thời cho Th số điện thoại của Trần Thị C để liên hệ mua bán vật liệu nổ. Tối ngày 30 tháng 11 năm 2017, Th gọi điện thoại cho C để hỏi mua kíp nổ điện, được C đồng ý bán. Hai bên thống nhất với nhau về việc mua bán 2.500 kíp nổ điện, giá 5.000 đồng/01 kíp nổ, thời gian, địa điểm giao hàng là vào trưa ngày hôm sau tại cầu Máng, đường tránh thành phố H thuộc địa phận phường HA, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sáng ngày 01 tháng 12 năm 2017, Th lấy khoảng 3.000.000 đồng tiền cho khách thuê nghỉ trọ và đến tiệm kinh doanh vàng tên “C” ở xã BN, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi cầm cố 01 sợi dây chuyền vàng, 01 cái lắc tay bằng vàng được 20.000.000 đồng. Sau khi có tiền, Th dùng trả nợ hết 10.000.000 đồng, số tiền còn lại Th đưa đi mua kíp nổ. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Th đón xe khách ra Huế, khi xe sắp ra đến địa điểm hẹn, Th điện thoại báo cho C biết. Nhận được điện thoại, C lấy 02 bao tải bên trong một bao đựng 1.500 kíp nổ và một bao đựng 1.000 kíp nổ, tổng cộng 2.500 kíp nổ số 8 điện, dùng xe mô tô mang biển kiểm soát số 75K9 - 0538 chở đi ra cầu Máng đứng đợi. Khoảng hơn 13 giờ

cùng ngày, Th ra đến cầu Máng, xuống xe thì thấy C đã đứng đợi, trên xe mô tô có 02 bao tải hàng. Lúc này, Th nhờ C chở mình cùng với 02 bao tải hàng chạy trên đường tránh thành phố H theo hướng đi vào tỉnh Quảng Nam để đón xe khách về nhà. Trên đường đi, Th trả cho C 12.500.000 đồng, C nhận tiền rồi cất vào túi áo khoác. Cả hai đi được khoảng 500 mét thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam bắt quả tang vào lúc 13 giờ 30 phút cùng ngày và các tang vật thu được cụ thể như sau:

01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, dùng sim số 01296796581.

01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ, dùng sim số 0935130836.

01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, dùng sim số 0917503642.

58 tờ tiền Việt Nam đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng.

01 xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 - 0538.

01 bao tải màu trắng, bên trong chứa 40 bịch nhựa, mỗi bịch nhựa chứa 25 ống hình trụ tròn, màu bạc, một đầu có gắn 02 dây điện dài khoảng 02 mét có các màu xanh, đỏ, vàng. Tổng cộng chứa 1.000 cái, C khai nhận là kíp nổ điện. (Được đánh số 01).

01 bao tải màu trắng, bên trong chứa 60 bịch nhựa, mỗi bịch nhựa chứa 25 ống hình trụ tròn, màu bạc, một đầu có gắn 02 dây điện dài khoảng 02 mét có các màu xanh, đỏ, vàng. Tổng cộng chứa 1.500 cái, C khai nhận là kíp nổ điện. (Được đánh số 02).

Sau khi bị bắt, Trần Thị C khai nhận: ngoài số kíp nổ đang bán cho Nguyễn Thị Th bị bắt quả tang, thì ở trang trại chăn nuôi của gia đình mình còn có cất giấu thuốc nổ, kíp nổ nhằm mục đích bán lấy tiền nhưng chưa bán được. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị C tại Cồn Vang, tổ dân phố Bồn Trì, phường HA, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế và đã thu giữ ở khu vực chuồng nuôi dê các vật chứng sau:

01 bao tải màu trắng có ghi dòng C bên ngoài “thức ăn hỗn hợp cho ngan và vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên”, bên trong chứa 14 bọc ni lông trắng trong suốt bằng nhau, trọng lượng mỗi bọc là 02 kilôgam. Mỗi bọc ni lông chứa 10 thỏi chất rắn màu xám, mỗi thỏi dài khoảng 25 cm, đường kính 03 cm, có trọng lượng 200 gram. Tổng trọng lượng chứa trong bao tải là 28 kilôgam thuốc nổ công nghiệp. (Được đánh số 03).

01 bao tải màu trắng có ghi dòng bên ngoài “URE HÀ BẮC”, bên trong chứa tổng cộng 09 bọc ni lông trắng trong suốt bằng nhau, mỗi bọc nặng 02 kilôgam. Trong mỗi bọc ni lông chứa 10 thỏi chất rắn màu xám bằng nhau, mỗi thỏi dài khoảng 25 cm, đường kính 03 cm, nặng 200 gram. Tổng cộng khối lượng chứa trong bao tải là 18 kilôgam. (Được đánh số 04).

01 bao tải màu trắng có ghi dòng C bên ngoài “2610 5 kg x 5 = 25 kg thức ăn đậm đặc cho gà thịt”, bên trong chứa 12 hộp giấy các tông bằng nhau, bên trong mỗi hộp chứa tổng cộng 100 chiếc ống hình trụ tròn, vỏ bằng kim loại, màu bạc, dài 04 cm. Tổng cộng bên trong bao tải là 1.200 cái là kíp nổ. (Được đánh số thứ tự 05).

01 sim điện thoại di động của nhà mạng Viettel (không kiểm tra số), 01 sim điện thoại di động của nhà mạng Vinaphone (không kiểm tra số).

Quá trình điều tra, Trần Thị C khai nhận nguồn gốc số thuốc nổ, kíp nổ trên là của Ngô Phi D (sinh ngày 24 tháng 10 năm 1983; nơi ĐKKHKT: xã EYg, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk; con rể của Trần Thị C) để lại từ năm 2012. Sau khi D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bắt về hành vi “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử 08 năm tù giam (Bản án số: 45/2012/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2012). Do bị bệnh hiểm nghèo, Dũng đã chết vào ngày 28 tháng 8 năm 2012 nên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ra Quyết định đình chỉ vụ án. Sau khi phát hiện kíp nổ, thuốc nổ trên C tiếp tục cất giấu, không nói cho ai biết nhằm mục đích ai mua thì bán để thu tiền.

Nguyễn Thị Th khai: ngoài lần mua bán thuốc nổ bị bắt nói trên, vào khoảng giữa tháng 11 năm 2017, Th còn mua của C 09 cuộn dây cháy chậm tổng chiều dài là 407 mét và 09 hộp giấy bên trong có 900 kíp nổ số 8 thường, với giá 9.000.000 đồng, số vật liệu nổ này C gửi vào cho Th bằng xe ô tô khách giường nằm (Th không nhớ rõ biển số xe) và Th đã trả 9.000.000 đồng cho cho phụ xe (Th không biết tên, địa chỉ). Sau đó, Nguyễn Thị Th đã cất giấu kíp nổ cùng dây cháy chậm trên dưới gầm cầu thang của nhà nghỉ Th Thảo nhằm mục đích bán lại cho đối tượng tên M để kiếm lời. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tiến hành thu giữ 09 cuộn dây màu đen, được bỏ trong bao ni lông trong suốt, nghi là dây cháy chậm; 09 hộp giấy các tông, kích thước 8x6,7x4,3cm, bên trong mỗi hộp chứa 100 cái kíp đốt vỏ nhôm do anh Trần Ng (con ruột của bị cáo Nguyễn Thị Th) tự nguyện giao nộp.

* Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tiến hành lấy ngẫu nhiên trong các tang vật đã thu giữ để làm mẫu giám định. Tại Bản kết luận giám định số: 219/KLGD ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng giám định vũ khí - vật liệu nổ thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam kết luận số kíp nổ, thuốc nổ đã thu giữ như sau:

Mẫu giám định số 01, 02 (M1, M2) có tên gọi, nơi sản xuất, cấu tạo, công dụng hoàn toàn giống nhau, có thể như sau:

Tên gọi, nơi sản xuất: Là kíp nổ số 8 điện (vỏ nhôm); Nơi sản xuất: Việt Nam.

Cấu tạo: Vỏ bằng nhôm, bên trong nhồi thuốc gây nổ Azôtua chì $Pb(N_3)_2$, thuốc nổ rất nhạy nổ và được gắn với 2 dây dẫn điện tới môi lửa điện trong lòng kíp, bên trên miệng kíp gắn chất dẻo, do đó kíp nổ điện được ngăn cách với môi trường bên ngoài và không thấm nước.

Công dụng: Dùng để gây nổ các khối bộc phá trong khai thác quặng, phá đá để mở đường giao thông và các công việc ứng dụng khác trong dân sự. Trong Quân sự được dùng để gây nổ các khối bộc phá, lựu đạn, mìn.

Chất lượng, khả năng sử dụng: Tiến hành kiểm tra tình trạng kỹ thuật và thử nổ lần lượt 10/10 kíp nổ của 02 mẫu giám định trên bằng phương pháp kích nổ bằng điện.

Kết quả: 10/10 kíp nổ của 02 mẫu giám định trên nổ tốt, hiện còn sử dụng được.

Mẫu giám định số 03, 04 (M3, M4) có tên gọi, nơi sản xuất, thành phần, tính chất lý hóa, công dụng hoàn toàn giống nhau, cụ thể như sau:

Tên gọi, nơi sản xuất: Là thuốc nổ công nghiệp Amônít phá đá (ký hiệu: AD1-Φ32.200g.21); Nơi sản xuất: Việt Nam.

Thành phần: gồm 14% TNT ($C_6H_2(NO_2)_3CH_3$), 82% Amôninitrat (NH_2NO_3) và 4% bột gỗ (mùn cưa).

Tính chất lý hóa: Dễ hút ẩm, cháy trong không khí tỏa nhiều khói đen.

Công dụng: Thuốc nổ trên được dùng để khai thác đá, quặng lộ thiên, dùng trong lỗ khoan khô.

Chất lượng, khả năng sử dụng: Tiến hành kiểm tra tình trạng kỹ thuật và thử nổ lần lượt 04/04 thời nổ của 02 mẫu giám định trên bằng phương pháp tạo thành quả nổ (thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm và nù xùy).

Kết quả 04/04 thời thuốc của 02 mẫu giám định trên nổ tốt, hiện còn sử dụng được.

Mẫu giám định số 05, 06 (M5, M6) có tên gọi, nơi sản xuất, cấu tạo, công dụng hoàn toàn giống nhau, cụ thể như sau:

Tên gọi, nơi sản xuất: Là kíp nổ số 8 thường (vỏ nhôm); Nơi sản xuất: Việt Nam.

Cấu tạo: Vỏ bằng nhôm, bên trong nhồi thuốc nổ mồi Azôtua chì $Pb(N_3)_2$, thuốc nổ rất nhạy nổ và bên dưới nhồi thuốc nổ mạnh Hêxôzen để kích nổ các khối thuốc nổ, bộc phá, kíp rất dễ bị kích nổ bởi tia lửa và va đập.

Công dụng: Dùng để gây nổ các khối bộc phá trong khai thác quặng, đá, đánh đất, đá để mở đường giao thông và các công việc ứng dụng khác trong dân sự. Trong Quân sự được dùng để gây nổ các khối bộc phá, lựu đạn, mìn.

Chất lượng và khả năng sử dụng: Tiến hành kiểm tra tình trạng kỹ thuật và thử nổ lần lượt 10/10 kíp nổ của 02 mẫu giám định trên với phương pháp kích nổ bằng cách giật nù xùy, đốt cháy dây cháy chậm, làm nổ kíp nổ.

Kết quả: 10/10 kíp nổ của 02 mẫu giám định trên nổ tốt, hiện còn sử dụng được.

Mẫu giám định số 07 (M7)

Tên gọi, nơi sản xuất: Dây cháy chậm; Nơi sản xuất: Việt Nam.

Cấu tạo: Dây cháy chậm có vỏ bên ngoài được kết bằng nhiều sợi lanh tằm nhựa đường chống ướt, bên trong là lớp giấy chống ẩm, trong lớp giấy là lớp sợi bông màu trắng và bên trong cùng chứa một lõi thuốc màu đen được nén đến mật độ nhất định. Thành phần của lõi thuốc màu đen gồm 78% Kali Nitrát (KNO_3), 12% Các bon (C) và 10% Lưu huỳnh (S).

Công dụng: Dây cháy chậm (có thể sử dụng được nơi ẩm ướt) dùng để truyền tia lửa đến đến kíp nổ hoặc đến các phương tiện gây cháy, nổ khác theo khoảng thời gian định trước (tốc độ cháy trung bình 1,0 đến 1,2cm/giây).

Chất lượng và khả năng sử dụng: Kiểm tra tình trạng kỹ thuật chất lượng lớp vỏ bên ngoài của dây cháy chậm vẫn bình thường. Tiến hành châm lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy tốt (thời gian cháy bình quân 1,1cm/1s).

Kết quả: 01 mét dây cháy chậm trên cháy tốt, hiện còn sử dụng được.

Kết luận chung: 07 mẫu giám định (ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7) là vật liệu nổ, hiện còn sử dụng được.

Các mẫu giám định đã được đưa ra thử cháy nổ và xử lý hết theo số lượng bàn giao.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-P1 ngày 02/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Trần Thị C về tội: “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về tội: “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị C từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng các điểm b, đ, khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm r, s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th từ 4 năm đến 5 năm tù.

Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Đề nghị tịch thu giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo thẩm quyền đối với số kíp nổ, thuốc nổ và dây cháy chậm.

- Đối với 29.000.000 đồng: Trong số tiền này có 12.500.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc mua bán thuốc nổ nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; còn lại 16.500.000 là tiền riêng của bị cáo Trần Thị C, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Trần Thị C nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước các điện thoại di động, đối với các thẻ sim thì đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538 mà bị cáo Trần Thị C sử dụng để vận chuyển thuốc nổ.

Các bị cáo Trần Thị C, Nguyễn Thị Th đều khai nhận hành vi phạm tội của mình và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đã có cơ sở để kết luận: Năm 2012, sau khi phát hiện 2.500 kíp nổ số 8 điện, 1.200 kíp nổ số 8 thường, 46 kilôgam thuốc nổ công nghiệp Amônít phá đá tại trang trại chăn nuôi của gia đình mình do Ngô Phi Dũng để lại, bị cáo Trần Thị C không khai báo, không giao nộp cho cơ quan có chức năng mà tiếp tục cất giấu nhằm mục đích tìm người mua để bán thu tiền.

Do có quen biết từ trước nên tối ngày 30 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Thị Th điện thoại cho Trần Thị C hỏi mua kíp nổ điện. Qua điện thoại, hai bên thỏa thuận, thống nhất với nhau mua bán 2.500 kíp nổ, giá 5.000 đồng/01 kíp nổ, địa điểm giao nhận hàng tại cầu Máng, đường tránh thành phố H thuộc địa phận phường HA, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sáng ngày 01 tháng 12 năm 2017, Th bắt xe khách từ tỉnh Quảng Nam ra Huế để thực hiện việc mua bán kíp nổ với Trần Thị C. Sau khi thống nhất với Th qua điện thoại, C lấy 02 bao tải bên trong một bao đựng 1.500 kíp nổ và một bao đựng 1.000 kíp nổ, tổng cộng 2.500 kíp nổ số 8 điện, dùng xe mô tô mang biển kiểm soát số 75K9 - 0538 chở đi ra cầu Máng đứng đợi. Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, Th ra đến cầu Máng, xuống xe thì thấy C đã đứng đợi, trên xe mô tô có 02 bao tải hàng. Lúc này, Th nhờ C chở mình cùng với 02 bao tải hàng chạy trên đường tránh thành phố H theo hướng đi vào tỉnh Quảng Nam để đón xe khách về nhà. Sau khi nhận kíp nổ, Th đã trả tiền mua kíp nổ cho C là 12.500.000 đồng. Cả hai đi được khoảng 500 mét thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam bắt quả tang vào lúc 13 giờ 30 phút cùng ngày.

Ngoài ra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam thu giữ tại nhà ở của Nguyễn Thị Th, gồm: 407 mét dây cháy chậm, 900 kíp nổ số 8 thường; thu tại trang trại chăn nuôi của gia đình Trần Thị C, gồm: 46 thuốc nổ công nghiệp Amônít, 1.200 kíp nổ số 8 thường. Tất cả số thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm này các bị cáo đều khai nhận cất giấu nhằm mục đích mua bán để kiếm lời.

Tại Bản kết luận giám định số 219/KLGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng giám định vũ khí - vật liệu nổ thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam kết luận số kíp nổ, thuốc nổ đã thu giữ là vật liệu nổ, hiện còn sử dụng được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2015/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xử phạt Nguyễn Thị Th 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, bị cáo Th phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Thị C về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức vật liệu nổ được nhà nước quản lý độc quyền, chỉ có các cá nhân, tổ chức được phép của Nhà nước mới được tàng trữ, vận chuyển, mua bán vật liệu nổ, nhưng vì hám lợi nên vẫn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vật liệu nổ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, nên cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị C là người phát hiện thuốc nổ tại trang trại chăn nuôi của gia đình mình do Ngô Phi D là con rể để lại, nhưng không khai báo, không giao nộp cho cơ quan có chức năng mà tiếp tục cất giấu nhằm mục đích tìm người mua để bán thu tiền. Sau đó, bị cáo đã thỏa thuận bán cho bị cáo Th 2.500 kíp nổ số 8 điện với giá 5.000 đồng/01 kíp nổ, rồi dùng xe mô tô vận chuyển ra đường tránh thành phố H để giao bán cho Th. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” thuộc trường hợp “Vật phạm pháp có số lượng lớn” quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, bị cáo Trần Thị C phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm để giáo dục, răn đe.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Th mặc dù biết mua bán, tàng trữ thuốc nổ là trái pháp luật nhưng vì hám lợi nên đã thỏa thuận mua của Trần Thị C 2.500 kíp nổ số 8 điện với giá 5.000 đồng/01 kíp nổ để đưa vào tỉnh Quảng Nam cất giấu nhằm mục đích bán lại kiếm lời thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, Th còn có hành vi tàng trữ 900 kíp nổ số 8 thường và 407 mét dây cháy chậm tại nhà ở của mình cũng nhằm mục đích bán kiếm lời nhưng chưa bán được thì bị thu giữ. Hành vi tàng trữ 900 kíp nổ số 8 thường nhằm mục đích mua bán thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 232 Bộ luật Hình sự nhưng cùng với lần mua 2.500 kíp nổ số 8 điện bị bắt quả tang bị cáo mua về cũng để cất giấu nhằm mục đích bán kiếm lời nên bị can có hành vi tàng trữ, mua bán tổng cộng là 3.400 kíp nổ (2.500 kíp nổ mua bị bắt quả tang + 900 kíp nổ thu tại nhà). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ” thuộc trường hợp “Vật phạm pháp có số lượng lớn” quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng đối với 407 mét dây cháy chậm do chưa đủ định lượng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/TTLN ngày 07 tháng 01 năm 1995 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 95, Điều 96 Bộ luật Hình sự năm 1985, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự Nguyễn Thị Th về hành vi tàng trữ, mua bán 407 mét dây cháy chậm này là có căn cứ.

Bị cáo Th có nhân thân xấu, năm 1993 từng bị xử lý hành chính về hành vi mua bán trái phép chất nổ; có 01 tiền án về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”, thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng nên phạm tội thuộc trường hợp tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo phạm tội nhiều lần. Do đó, cần xử phạt bị cáo nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho các bị cáo đều là người lao động nghèo, động cơ mục đích tàng trữ, mua bán, vận chuyển thuốc nổ để lấy tiền công để sinh sống. Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải. Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội đã tự thú, tự nguyện khai báo việc tàng trữ thuốc nổ tại nhà, trang trại của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thị C có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật, cha của bị cáo là ông Trần Văn Hươ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Thị C.

Tại bản án số 20/2015/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 20/2015/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và tổng hợp với hình phạt của bản án này. Đối với hình phạt bổ sung 7.000.000 đồng và án phí sơ thẩm của bản án số 20/2015/HSST, bị cáo đã thi hành xong vào ngày 26 tháng 11 năm 2015 theo biên lai thu tiền số 0020451 và số 0000069 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 2490 (hai nghìn bốn trăm chín mươi) cái kíp nổ điện-vỏ nhôm. (Có 10 cái kíp nổ điện-vỏ nhôm đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

- 2090 (hai nghìn không trăm chín mươi) cái kíp nổ số 8 thường-vỏ nhôm (kíp nổ đốt). (Có 10 cái kíp nổ số 8 thường-vỏ nhôm đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

- 45,2 kg (bốn mươi lăm phẩy hai kilogam) thuốc nổ thời công nghiệp Amônít. (Có 0,8 kg đã sử dụng hết trong quá trình giám định)

- 406 m (Bốn trăm không sáu mét) dây cháy chậm vỏ sợi (Có 01 m đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Những vật chứng này cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đỏ đã cũ, số IMEI: 354272060099360. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Thị Th dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh đã cũ, số IMEI: 353754043626394. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Thị Th dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ, số IMEI: 35601808512270 và 356018085422713. Đây là phương tiện mà bị cáo Trần Thị C dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 sim điện thoại mobbifone số seri 8401-16103357-8099-01. Đây là phương tiện bị cáo Nguyễn Thị Th sử dụng vào việc phạm tội, hiện nay không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 (ba) sim điện thoại Vinaphone có các số seri 89840-20001-05489-46151; 89840-20002-14472-70536 và 89840-20002-16691-83433. Đây là tài sản không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) sim điện thoại Viettel số Seri 89840-48601-06144-4920. Đây là tài sản không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

- 58 tờ tiền Việt Nam đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng. Trong số tiền này có 12.500.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc mua bán vật liệu nổ nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; còn lại 16.500.000 là tiền riêng của bị cáo Trần Thị C, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Trần Thị C nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538. Đây là tài sản chung của ông Lê Văn H và bị cáo Trần Thị C. Bị cáo Trần Thị C đã sử dụng xe trên để vận chuyển thuốc nổ. Tuy nhiên, ông Hòa không biết việc này, do đó cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538 phần sở hữu của bị cáo Trần Thị C để sung công quỹ nhà nước, trả lại cho ông Lê Văn Hòa 1/2 giá trị xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007191, tên chủ xe: Trần Thị C, nhãn hiệu hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538, cần trả lại cho bị cáo (Giấy chứng nhận đăng ký xe trên hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

Các vật chứng trên có theo Quyết định chuyển vật chứng số: 05/QĐ-VKS-P1 ngày 03/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế).

[4] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Thị C, Nguyễn Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị C phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”; bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị C 4 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Áp dụng điểm b, đ khoản 2, Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm r, s khoản 1; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Th 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải chấp hành hình phạt 03 năm tù của Bản án số 20/2015/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù của bản án này với hình phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ” của Bản án số 20/2015/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/12/2017, được trừ thời hạn tạm giam của Bản án số 20/2015/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam từ ngày 05/12/2014 đến ngày 04/4/2015.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

* Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo thẩm quyền:

- 2490 (hai nghìn bốn trăm chín mươi) cái kíp nổ điện-vỏ nhôm. (Có 10 cái kíp nổ điện-vỏ nhôm đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

- 2090 (hai nghìn không trăm chín mươi) cái kíp nổ số 8 thường-vỏ nhôm (kíp nổ đốt). (Có 10 cái kíp nổ số 8 thường-vỏ nhôm đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

- 45,2 kg (bốn mươi lăm phẩy hai kilogam) thuốc nổ thời công nghiệp Amônít. (Có 0,8 kg đã sử dụng hết trong quá trình giám định)

- 406 m (Bốn trăm không sáu mét) dây cháy chậm vỏ sợi (Có 01 m đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

* Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đỏ đã cũ, số IMEI: 354272060099360.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh đã cũ, số IMEI: 353754043626394.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ, số IMEI: 35601808512270 và 356018085422713.

* Đối với 58 tờ tiền Việt Nam đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 12.500.000 đồng là tiền các bị cáo Trần Thị C, Nguyễn Thị Th dùng vào việc mua bán vật liệu nổ.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị C số tiền 16.500.000 đồng, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Đối với 01 xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538:

Tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538 phần sở hữu của bị cáo Trần Thị C để hóa giá sung công quỹ nhà nước.

Trả lại cho ông Lê Văn Hòa 1/2 giá trị xe mô tô màu đen, hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị C 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007191, tên chủ xe: Trần Thị C, nhãn hiệu hiệu Jupiter, mang biển kiểm soát số 75K9 – 0538 (Giấy chứng nhận đăng ký xe trên hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 sim điện thoại mobbifone số seri 8401-16103357-8099-01.
- 03 (ba) sim điện thoại Vinaphone có các số seri 89840-20001-05489-46151; 89840-20002-14472-70536 và 89840-20002-16691-83433.
- 01 (một) sim điện thoại Viettel số Seri 89840-48601-06144-4920.

Các vật chứng trên có theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS-P1 ngày 03/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Thị C và Nguyễn Thị Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Vụ GĐKT I TANDTC;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu HSVA; THS, Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Lộc